

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM**

**QUYẾT ĐỊNH số 22-NN/TTR/QĐ
ngày 9-2-1993 về việc ban hành
Quy chế tổ chức hoạt động của
Thanh tra Bộ Nông nghiệp và
Công nghiệp thực phẩm.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM**

*Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 1-4-1990 của
Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 244-HĐBT
ngày 30-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức
của hệ thống thanh tra Nhà nước và biện pháp bảo
đảm hoạt động thanh tra;*

*Căn cứ Nghị định số 46-HĐBT ngày 5-3-1987
của Hội đồng Bộ trưởng quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ
Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm;*

*Sau khi thống nhất với Tổng thanh tra Nhà
nước,*

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Nay ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thanh tra Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

Điều 2. - Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Công nghiệp thực phẩm
NGUYỄN CÔNG TẠ

**QUY CHẾ tổ chức và hoạt động của
Thanh tra Bộ Nông nghiệp và
Công nghiệp thực phẩm**

*(Ban hành theo Quyết định số 22-NN/
TTR/QĐ ngày 9-2-1993 của Bộ Nông
nghiệp và Công nghiệp thực phẩm).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm là tổ chức thanh tra trong hệ thống tổ chức thanh tra Nhà nước, thực hiện quyền thanh tra trong phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và quản lý công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 2. - Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, đồng thời chịu sự chỉ đạo của Tổng thanh tra Nhà nước về công tác tổ chức nghiệp vụ thanh tra.

Điều 3. - Hoạt động thanh tra chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời. Không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra.

Điều 4. - Các Cục, Vụ, Ban chức năng thuộc Bộ có trách nhiệm đề ra chương trình và thực hiện thanh tra trong phạm vi quản lý Nhà nước do Cục, Vụ, Ban phụ trách và phối hợp với thanh tra Bộ khi có yêu cầu, đồng thời thường xuyên thực hiện chế độ báo cáo về công tác thanh tra với Bộ trưởng.

Chương II

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA
THANH TRA BỘ**

Điều 5. - Thanh tra Bộ có nhiệm vụ:

1. Xây dựng chương trình công tác thanh tra, công tác xét giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tổ chức chỉ đạo hướng dẫn thực hiện kế hoạch thanh tra của Bộ đối với các đơn vị thuộc Bộ.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm trong phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

3. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo mà Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ đã giải quyết nhưng đương sự còn khiếu nại, hoặc phát hiện có tình tiết mới, hoặc việc giải quyết của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Tham mưu cho Bộ trưởng giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo việc kiểm tra thực hiện công tác thanh tra, công tác xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

5. Phối hợp với công đoàn ngành, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra cho các tổ chức thanh tra nhân dân của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

6. Qua công tác thanh tra đề xuất và kiến nghị với Bộ trưởng những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung đối với cơ chế chính sách quản lý và công tác tổ chức cán bộ, công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật.

7. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ kinh tế kỹ thuật, pháp luật cho cán bộ của thanh tra Bộ. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho cán bộ thanh tra ở các đơn vị trực thuộc Bộ.

Phối hợp với thanh tra tỉnh, thành phố hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra sở.

8. Thực hiện chế độ báo cáo với Bộ trưởng và Tổng Thanh tra Nhà nước về công tác thanh tra, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 6.- Trong quá trình tiến hành thanh tra ở một số đơn vị thuộc Bộ, thanh tra Bộ có quyền:

1. Yêu cầu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho việc thanh tra, yêu cầu cơ quan, đơn vị hữu quan thuộc Bộ cử người tham gia hoạt động thanh tra.

2. Trưng cầu giám định.

3. Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp tài liệu, báo cáo bằng văn bản, trả lời những chất vấn của thanh tra Bộ hoặc của thanh tra viên, khi cần thiết tiến hành kiểm kê tài sản.

4. Quyết định niêm phong tài liệu, kiểm kê tài sản khi có căn cứ để nhận định có vi phạm pháp luật, ra quyết định yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép được cấp hoặc sử dụng trái pháp luật khi xét thấy cần ngăn chặn ngay việc vi phạm pháp luật để xác minh tình tiết làm chứng cứ cho việc kết luận, xử lý.

5. Đình chỉ việc làm của đối tượng thanh tra nếu xét thấy đang hoặc sẽ gây tác hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và của công dân.

6. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định gây trở ngại cho việc thanh tra.

7. Cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác nhân viên Nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có ý cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định của tổ chức thanh tra hoặc thanh tra viên.

8. Được kết luận, kiến nghị hoặc quyết định xử lý theo quy định của Pháp lệnh Thanh tra.

9. Chuyển hồ sơ về việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra hình sự có thẩm quyền giải quyết, nếu xét thấy có dấu hiệu cấu thành tội phạm.

10. Khi xét thấy không còn cần thiết áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm 4, 5, 6 và biện pháp tạm đình chỉ công tác nhân viên Nhà nước quy định tại điểm 7 của điều này thì người ra quyết định phải có quyết định hủy bỏ việc áp dụng các biện pháp đó.

11. Trước khi thực hiện các quyền ghi ở điểm 4, 5, 6, 7, 9 trong điều này phải báo cáo với người ra quyết định thanh tra.

Điều 7.- Chánh thanh tra Bộ có quyền:

1. Tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, chuyển công tác của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, của Thủ trưởng đơn vị đang thanh tra đối với người đang công tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra. Đối với các quyết định kỷ luật, chuyển công tác của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng thì kiến nghị Bộ trưởng giải quyết. Đối với người không thuộc quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm thì kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

2. Cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác nhân viên Nhà nước cố ý cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định của tổ chức thanh tra hoặc thanh tra viên. Những đối tượng do Bộ trưởng quản lý thì kiến nghị Bộ trưởng quyết định; đối tượng không thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quản lý thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Chánh thanh tra Bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng xem xét các kết luận, kiến nghị xử lý về thanh tra của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trước khi trình lên Bộ quyết định. Trường hợp ý kiến của Chánh thanh tra Bộ nhất trí với Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ thì cùng báo cáo Bộ trưởng, nếu không thống nhất thì Chánh thanh tra Bộ và Thủ trưởng đơn vị trực thuộc được bảo lưu để báo cáo Bộ trưởng giải quyết.

4. Thực hiện các quyền của thanh tra Bộ có liên quan đến đối tượng thanh tra và các đơn vị, cá nhân hữu quan trong các đơn vị thuộc quyền quản lý Nhà nước của Bộ.

Điều 8.- Các Phó Chánh thanh tra Bộ là người giúp Chánh thanh tra những phần việc đã được phân công và phải chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra về những công việc đó. Khi tiến hành thanh tra, các Phó Chánh thanh tra có trách nhiệm và quyền hạn của thanh tra viên theo quy định của Pháp lệnh Thanh tra và Nghị định số 191-HĐBT ngày 18-6-1991.

Điều 9.- Các thanh tra viên có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Nghị định số 191-HĐBT ngày 18-6-1991 của Hội đồng Bộ trưởng về Quy chế thanh tra viên và việc sử dụng cộng tác viên thanh tra.

Chương III

TỔ CHỨC CỦA THANH TRA BỘ

Điều 10. - Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm gồm có:

- Chánh thanh tra.
- Các Phó Chánh thanh tra.
- Các thanh tra viên.
- Các cán bộ thanh tra.

Việc bổ nhiệm Chánh thanh tra, các Phó Chánh thanh tra thực hiện theo điều 13 của Pháp lệnh Thanh tra và Nghị định số 244-HĐBT ngày 30-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

Thanh tra Bộ Nông Nghiệp và Công nghiệp thực phẩm làm việc theo chế độ thủ trưởng, các thanh tra viên và cán bộ thanh tra làm việc trực tiếp với Chánh, Phó Chánh thanh tra.

Điều 11. - Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm được sử dụng con dấu riêng trong hoạt động thanh tra, được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết phục vụ cho công tác thanh tra và được quyền sử dụng cộng tác viên theo quy định của Pháp lệnh Thanh tra.

Điều 12. - Về tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành (thứ y, bảo vệ thực vật...), Bộ sẽ căn cứ vào các quy định trong Pháp lệnh Thanh tra để hướng dẫn sau.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ GIỮA THANH TRA BỘ VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

Điều 13. - Để thực hiện tốt chức năng thanh tra của Thủ trưởng ở các đơn vị thuộc Bộ, Chánh thanh tra Bộ có trách nhiệm tham gia cùng Thủ